

CHÍNH SÁCH ĐỐI XỬ VỚI TÙ, HÀNG BINH CỦA VIỆT NAM TRONG 30 NĂM CHIẾN TRANH (1945-1975)

HỒ KHANG*

Trong lịch sử hiện đại Việt Nam, khoảng thời gian từ 1945 đến 1975, nhân dân Việt Nam phải ròng rã tiến hành hai cuộc chiến tranh yêu nước chống lại thực dân Pháp và đế quốc Mỹ vì nền tự do, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Suốt 30 năm đó, 1.100.000 người Việt Nam yêu nước đã chiến đấu và anh dũng hy sinh, 600.000 thương binh, 300.000 người bị mất tích trong chiến đấu, 2.000.000 người dân bị giết hại, khoảng 2.000.000 người bị tàn tật do bom đạn đối phương, 2.000.000 người bị nhiễm chất độc hoá học mà Mỹ đã rải xuống miền Nam Việt Nam, 500.000 trẻ em sinh ra bị dị dạng vì ảnh hưởng các loại chất độc trên của Mỹ (1). Thế nhưng, cũng suốt 30 năm đó, Việt Nam luôn đối xử nhân đạo đối với tù hàng binh của đối phương. Đây là một chính sách nhất quán, bất di bất dịch của Đảng, của Chính phủ, Quân đội và toàn thể nhân dân Việt Nam.

Trong 30 năm chiến tranh, Đảng Cộng sản, Nhà nước và Quân đội nhân dân Việt Nam luôn nhất quán thực hiện chính sách đối xử nhân đạo đối với tù binh và hàng binh của quân đội đối phương. Chính sách đó được thể hiện rất rõ trước hết ở hệ thống nghị quyết, chỉ thị

của Đảng và Chính phủ; Ở các quy định, mệnh lệnh và kỷ luật chiến trường của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ngay từ những ngày đầu, khi ký *Tạm ước* 14-9-1946 với Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn đồng bào và chiến sĩ cả nước: "Đối với quân đội Pháp phải lịch sự", "tuyệt đối không được dùng cách kịch liệt". Chỉ thị *Toàn quốc kháng chiến* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra ngày 22-12-1946 đề ra những "điều răn" cho quân dân Việt Nam trong khi kháng chiến. Những "điều răn" ấy - mà thực chất là phương châm hoạt động của quân dân Việt Nam, được in thành truyền đơn, biểu ngữ để dán ở những nơi công cộng hoặc phân phát cho mọi người. Một trong những "điều răn" ấy, giành cho quân đội, là "*Không ngược đãi tù binh*" (2).

Sau ngày *Toàn quốc kháng chiến*, trong hệ thống văn kiện chỉ đạo kháng chiến của Đảng, Chính phủ, Quân đội, bao gồm nghị quyết, chỉ thị, điện chỉ đạo, mệnh lệnh, chính sách đối với tù binh, hàng binh luôn được đề cập tới mà nội dung cốt lõi, xuyên suốt là việc nghiêm cấm mọi cá nhân và đơn vị nào có biểu hiện không tuân thủ chính sách đối với tù, hàng binh; Có biểu hiện đối xử tệ bạc,

*TS. Viện Lịch sử Quân sự.

bạc đãi tù, hàng binh. Nếu cá nhân và đơn vị nào vi phạm sẽ bị nghiêm trị. Chẳng hạn, *Nghị quyết án Hội nghị quân sự toàn quốc* (1-1947) quy định rõ: Nếu bắt được tù binh đối phương thì phải "mang về không được giết, nếu giết phải nghiêm trị" (3). Tiếp đó, Hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ 3 (6-1947) đề ra việc "thi hành khẩu hiệu ưu đãi tù binh một cách thiết thực hơn, trừng trị những cán bộ hay đội viên làm sai khẩu hiệu đó" (4). Trước đó, ngày 17-1-1947, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam ra *Chỉ thị gửi chính trị viên các cấp*, trong đó quy định: "*Biệt đãi tù binh là một nhiệm vụ công tác chính trị. Phải giải thích cho bộ đội biết công dụng lớn của sự ưu đãi tù binh, nhất là tù binh sĩ quan và nhảy dù. Nghiêm lệnh cho bộ đội không được giết tù binh*" (5). Tháng 9 năm đó, Bộ Tổng chỉ huy Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ thị cho các khu, các trung đoàn và tiểu đoàn độc lập phải thực hiện mệnh lệnh phóng thích tù binh. Bản *chỉ thị* viết: "*Thả tù binh là một mệnh lệnh, đồng thời là một khẩu hiệu nêu ra để giải thích cho bộ đội và dân chúng... Thực hiện chủ trương này, các khu phải làm theo mấy điều chỉ thị dưới đây*: 1. Khi bắt được tù binh, phải hết sức đối đãi, cho ăn uống tử tế, chỉ tước khí giới mà không được đụng đến đồ vật thường của họ; 2. Hỏi ngay lấy tin tức về quân sự của địch (làm tài liệu tuyên truyền, ghi tích về sau). Hỏi họ nếu muốn về thì tức khắc thả ngay sau khi đã tuyên truyền và tổ chức dân chúng ứ lạo..."

Tóm lại, chủ trương thả tù binh trước hết là gây trong hàng ngũ binh lính địch một dư luận: Có lọt vào tay Quân đội nhân dân Việt Nam cũng không bị giết mà còn được đối đãi tử tế... làm cho binh lính hiểu rõ Chính phủ ta và Quân đội ta không giống như lời bọn cầm đầu họ đã nhồi sọ" (6).

Trong một *Chỉ thị bổ sung* sau đó về việc *thả tù binh* (ngày 9-9-1947), Cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam nhắc các khu và các đơn vị quân đội rằng: "Khi bắt được tù binh... nếu xét ra có thể tha được thì không nên để lâu, vì: a) Người lính sẽ không dám trở lại bộ đội của họ; b) Bọn chỉ huy sẽ nghi ngờ người lính đó trở thành tay sai cho ta; c) Được đối đãi tử tế, sống dễ chịu, yên ổn, họ sẽ không muốn về bên kia nữa" (7).

Trước tình hình số binh lính người Âu trong quân đội Liên hiệp Pháp bỏ sang hàng ngũ kháng chiến ngày càng nhiều, "để việc dùng, chăm sóc đời sống của họ được hợp lý, chu đáo theo chính sách khoan đãi và trọng dụng hàng binh" (8), ngày 1-2-1948, Cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ thị cho các đơn vị, hướng dẫn *cách dùng, cách đối đãi hàng binh*. Theo đó:

A. Cách dùng: Dùng họ vào các công việc đúng với năng lực chuyên môn và nguyện vọng của họ, kể cả việc nếu họ hăng hái muốn cầm súng ra trận thì "ta nên nhận lòng hăng hái lúc đầu của họ... cho mỗi người vào một đại đội có chính trị viên khá để họ cùng đi chiến đấu".

B. Cách đối đãi: 1. Đối với sĩ quan cũng như những người làm chuyên môn... lương bổng hàng tháng nhiều nhất từ 500 đồng đến 600 đồng (cả sinh hoạt phí) - Quyết định số 80B của Bộ, ban hành ngày 29-7-1947; 2. Đối với binh lính ở trong các đơn vị chiến đấu cũng như làm các công việc bình thường, lương bổng nhất định là 500 đồng một tháng; 3. Quần áo dài 2 bộ, quần áo lót 2 bộ, giày tất 2 đôi, mũ một chiếc một năm.

Ngoài việc ăn mặc, chúng ta còn phải chăm lo về mặt tinh thần cho họ..." (9).

Từ năm 1950, cùng với đà phát triển của cuộc kháng chiến, công tác tù, hàng

binh cũng cần được nâng cao hơn. Các cuộc hội nghị toàn quốc bàn về vấn đề này trong các năm từ 1950 đến 1953, một mặt tái khẳng định lại chủ trương giữ vững và thi hành chính sách đối xử nhân đạo đối với tù, hàng binh; Mặt khác, đề ra các giải pháp hiệu quả nhằm tăng cường công tác quản lý, giáo dục tù, hàng binh. Ví dụ, *Nghị quyết Hội nghị địch vận toàn quốc* (8-1952) đề ra nhiệm vụ: "Cần sửa chữa những khuyết điểm trong khi thi hành chính sách tù, hàng binh: 1. Phổ biến và giáo dục chính sách của Đảng đối với tù, hàng binh thật kỹ lưỡng trong Đảng, trong các cán bộ (nhất là cán bộ bộ đội và cán bộ phụ trách các trại tù binh), trong bộ đội chủ lực, địa phương, dân quân du kích và nhân dân; 2. Thường xuyên kiểm tra việc giáo dục quản trị các trại tù hàng binh, thưởng phạt những đơn vị và cá nhân trong việc chấp hành chính sách tù hàng binh ở mặt trận hay hậu phương; 3. Quy định chế độ cấp dưỡng và quản trị đối với từng loại tù hàng binh, tăng cường và phổ biến kinh nghiệm giáo dục, xem việc giáo dục là việc quan trọng nhất trước khi thả; 4. Đối với tù binh, chú ý khai thác những tài liệu để tuyên truyền, những tài liệu để giúp ích cho quân sự. Đối với binh lính Âu Phi, hướng dẫn họ tổ chức Ủy ban đòi hoà bình ở Việt Nam và hội hương quân đội viễn chinh Pháp để giáo dục họ và tập dượt cho họ đấu tranh; 5. Nghiên cứu để giải quyết vấn đề hàng binh Âu Phi trong việc giáo dục, sử dụng và cấp dưỡng theo hướng vừa cải tạo họ vừa làm bớt gánh nặng của nhân dân, của Chính phủ" (10).

Còn *Nghị quyết Hội nghị địch vận toàn quốc năm 1953* đề ra nhiệm vụ "gấp rút cải tiến toàn bộ công tác tù, hàng binh nguy: 1. Kiện toàn ngay các trại, chủ yếu là tăng cường cán bộ, giáo dục tư tưởng lập trường dứt khoát, không quan

liêu, quân phiệt... Công tác quản lý phải bảo đảm chế độ cung cấp, tăng cường sức khoẻ tù, hàng binh...; 2. Đối với các hạng nguy binh đào ngũ, giải ngũ về nhà hay tù binh phóng thích, phải có kế hoạch thiết thực tranh thủ họ, quan tâm đến đời sống vật chất của họ, giúp đỡ công ăn việc làm, cho họ hưởng quyền công dân và chia phần ruộng nếu nhân dân không phản đối, tiếp tục giác ngộ chính trị, động viên tòng quân đi dấy tham gia kháng chiến vào dân quân du kích, tham gia các đoàn thể...; 3. Phải nghiêm khắc kiểm tra việc chấp hành chính sách tù, hàng binh, kiên quyết sửa chữa những sai lầm, trọng tâm là ở các trại và các địa phương có nhiều nguy binh về nhà; ... Nghiêm khắc thi hành kỷ luật với những ai làm sai chính sách. Ngoài ra cần chú trọng thực hiện chính sách khen thưởng nguy binh lập công" (11).

Ngày 28-5-1953, thay mặt Ban Bí thư Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Trường Chinh đã ra Chỉ thị số 45/CT-TW Về chính sách đối với nguy binh, trong đó quy định rõ chính sách đối với nguy binh phản chiến, nguy binh đầu hàng, nguy binh bỏ hàng ngũ địch trở về nhà và đối với tù binh nguy và gia đình họ. *Chỉ thị* nêu rõ: "Chính sách của chúng ta đối với họ là khoan hồng, chủ yếu là không giết, không làm nhục, không ngược đãi họ và cứu chữa những người bị thương. Ngoài việc tước vũ khí, quân dụng và tài liệu quân sự, còn tất cả các đồ vật riêng của họ, kể cả tiền bạc, đều để nguyên cho họ" (12).

Như thế, chính sách đối xử khoan hồng, nhân đạo đối với tù binh và hàng binh của Đảng, Nhà nước, Quân đội Việt Nam là nhất quán. Chính sách đó luôn được phổ biến, giáo dục sâu rộng trong Đảng, chính quyền các cấp, các đơn vị quân đội nói riêng và lực lượng vũ trang

nói chung. Trước mỗi một chiến dịch, cán bộ, chiến sĩ đều được học tập, quán triệt những quy định đối với tù binh, hàng binh và sau khi chiến dịch kết thúc, các lực lượng tham gia đều tiến hành kiểm điểm việc thực hiện công tác đó. Đơn cử như trước khi Chiến dịch Biên Giới (1950) mở màn, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp trong *Mệnh lệnh gửi các cấp chỉ huy, toàn thể chiến sĩ Vệ quốc quân, bộ đội địa phương, dân quân du kích* đã tuyên bố: "Kỷ luật chiến trường cần được đề cao... tù hàng binh cần được khoan dãi" (13). *Chỉ thị về nhiệm vụ công tác chính trị của Đảng uỷ Mặt trận* cũng chỉ rõ: Phải "thực hiện việc thả tù binh cho kịp thời trong phạm vi không lộ bí mật. Tổ chức trạm tiếp nhận hàng binh, tù binh cho chu đáo" (14). Trong quá trình diễn biến của Chiến dịch Biên Giới, Bộ chỉ huy chiến dịch, Đảng uỷ Mặt trận còn ra nhiều chỉ thị bổ sung về công tác đối với tù, hàng binh. Chẳng hạn, ngày 10-9-1950, Bộ chỉ huy chiến dịch lệnh cho bộ đội khi vào tiếp quản các thị trấn Cao Bằng, Đông Khê, Thất Khê, phải thực hiện nghiêm chính sách nhân đạo đối với tù hàng binh: "*Cấm giết hại, ngược đãi, tra tấn tù binh; cấm lấy quần áo và đồ dùng riêng của họ hay mua bán, đổi chác với họ. Thi hành chính sách khoan hồng đối với nguy binh, không được xâm phạm đến tài sản vợ con của họ. Thả tù binh trong phạm vi không làm lộ bí mật*" (15). Tiếp đó, ngày 17-10-1950, Đảng uỷ Mặt trận ra *Chỉ thị bổ sung về việc tù binh*, trong đó nhấn mạnh chính sách "khoan dãi" đối với tù binh và quy định rõ chính sách đối với thương binh địch cũng như việc tổ chức, tiếp nhận tù, hàng binh ở từng cấp. Toát lên từ những quy định này là tính nhân đạo, khoan hồng; Là quy rõ trách nhiệm của các

cấp, các đơn vị trong việc chấp hành mệnh lệnh và những quy định đối với tù, hàng binh.

Hoặc ở chiến dịch Điện Biên Phủ cũng vậy. Các văn bản như chỉ thị, nghị quyết, điện chỉ đạo của Bộ Chỉ huy, Đảng uỷ Mặt trận đều đề cập rất cụ thể vấn đề chính sách tù, hàng binh. Trước khi bước vào chiến dịch này, cũng như ở những chiến dịch trước đó, tháng 1-1954, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã công bố 5 điều *kỷ luật chiến trường*. Điều 5 quy định: "Cán bộ và chiến sĩ nào, đơn vị nào chấp hành đúng chính sách thương binh tử sĩ, chính sách chiến lợi phẩm, tù hàng binh thì được khen thưởng. Người nào, đơn vị nào không chấp hành đúng chính sách thương binh tử sĩ, huỷ hoại hoặc sử dụng bữa bãi chiến lợi phẩm, bắn giết hành hạ tù hàng binh thì bị trừng phạt" (16). Cuối tháng 1-1954, Tổng cục Chính trị ra Chỉ thị số 23/CT công bố và hướng dẫn việc chấp hành 5 điều kỷ luật chiến trường, nêu rõ: "*Đó là kỷ luật quân sự, kỷ luật thép của quân đội cách mạng chúng ta. Cán bộ và bộ đội thấm nhuần nội dung và ý nghĩa 5 điều kỷ luật chiến trường để mọi người tự giác và nghiêm chỉnh chấp hành*" (17).

Cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đã nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh đó. Trong quá trình chiến đấu, ta vừa đánh vừa làm công tác binh vận, gọi hàng được một số binh sĩ địch. Đồng thời, ta tích cực cứu chữa tại chỗ cho những tù hàng binh bị thương, ngừng bắn cho phía Pháp thu dọn chiến trường và cứu chữa thương binh, chủ động đề nghị phía Pháp đến nhận thương binh, tù binh...

Sau khi chiến dịch kết thúc, ta đã tổ chức cứu chữa gấp hơn 1.000 thương binh địch và giao cho phía Pháp. Đồng thời, để

đảm bảo khẩu phần lương thực, thực phẩm và việc cứu chữa cho tù, hàng binh lúc ấy lên tới con số rất cao - vượt xa dự kiến ban đầu của phía Việt Nam, ta đã phải san sẻ bớt tiêu chuẩn ăn và cơ sở thuốc chữa trị của bộ đội; Phải huy động cả lực lượng hậu cần chiến dịch - thậm chí tận dụng cả những nhân viên y tế Pháp là tù binh vào công việc chữa trị tù, hàng binh...

Sau Hiệp định Giơnevơ, phía Việt Nam đã thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định, trong đó bao gồm việc trao trả tù binh cho đúng tinh thần nhân đạo. Toàn bộ số tù, hàng binh Pháp bị bắt trong suốt 9 năm (1945-1954) đã được giao cho phía Pháp.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), chính sách nhân đạo đối với tù, hàng binh của Đảng, Nhà nước và Quân đội nhân dân Việt Nam tiếp tục được bổ sung; Được quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc. Đây là một nội dung quan trọng của công tác binh vận - công tác được xác định là nhiệm vụ có ý nghĩa to lớn, có tầm quan trọng chiến lược trong đường lối kháng chiến của Việt Nam nhằm phát huy tối đa tinh thần dân tộc tiềm tàng trong mỗi người Việt Nam yêu nước; Nêu cao tính nhân văn của sự nghiệp kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam. Năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam ký tuyên bố gia nhập *Công ước Giơnevơ 1949 về bảo hộ nạn nhân chiến tranh* (thường được gọi là Luật nhân đạo quốc tế).

Những năm đầu chống chiến lược *Chiến tranh đặc biệt* (1961-1965), Đảng, Nhà nước, Quân đội đã chú trọng đúng mức tới chính sách tù, hàng binh. Ví dụ, trong bức điện gửi *Ban Binh vận thuộc Trung ương Cục miền Nam* (năm

1961), *Ban Thống nhất Trung ương* cho rằng: "*Công tác binh vận có tầm quan trọng chiến lược. Nó mang tính giai cấp, tính dân tộc, tính nhân đạo, tính quần chúng và tính chuyên môn*". Trên tinh thần đó, Ban Thống nhất chỉ thị: "*Nghiên cứu, ban hành và thực hiện chính sách đối với gia đình binh sĩ, với tù hàng binh, kể cả với binh sĩ Mỹ*" (18). Trên thực tế, Trung ương Cục miền Nam đã tổ chức nhiều cuộc họp bàn về công tác binh vận nhằm xây dựng, bổ sung chính sách đối với các đối tượng trên đây cũng như đề ra các giải pháp thực hiện hiệu quả chính sách này trong thực tiễn chiến trường miền Nam Việt Nam. Chẳng hạn, tại Hội nghị binh vận toàn miền Nam kéo dài hơn 1 tháng (từ tháng 8 đến tháng 9-1962), các đại biểu đã "đề xuất và đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam công bố các chính sách đối với nghĩa binh, hàng binh, tù binh" (19). Tiếp đó, tháng 6-1963, Quân uỷ Miền lệnh cho các quân khu, các đơn vị vũ trang Quân giải phóng miền Nam "*Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách tù, hàng binh, tổ chức bộ máy chỉ đạo (làm công tác này) từ Bộ chỉ huy Miền tới đại đội chiến đấu*".

Trong những năm Mỹ tiến hành chiến lược *Chiến tranh cục bộ* (1965-1968) và các năm sau đó, chủ trương và chính sách nhất quán của Đảng, Nhà nước ta là "*Vận dụng những điểm của Công ước Giơnevơ phù hợp với chính sách nhân đạo của ta nhằm chủ yếu làm cho tù, hàng binh thấy được mục đích và tính chất cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, chính sách nhân đạo của Chính phủ ta*" (20). Trong các điện chỉ đạo gửi lãnh đạo, chỉ huy

các chiến trường, đồng chí Lê Duẩn, trên cương vị là Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã nhiều lần nhắc nhở về công tác binh vận, về việc thực hiện nghiêm chính sách nhân đạo đối với tù hàng binh và yêu cầu kiện toàn cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác này để giúp cấp uỷ, chỉ huy các cấp lãnh đạo, điều hành việc tổ chức thực hiện chính sách tù, hàng binh.

Là cơ quan đảm trách công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam đã ra nhiều văn bản như chỉ thị quy định cụ thể về công tác thực hiện chính sách tù, hàng binh. Những năm từ 1964 trở đi, chiến tranh diễn ra trên cả hai miền đất nước Việt Nam. Việc giáo dục, tuyên truyền chính sách tù, hàng binh của Đảng, Nhà nước được triển khai sâu rộng không chỉ trong lực lượng vũ trang mà còn trong các cấp chính quyền, đoàn thể xã hội và mọi tầng lớp nhân dân. Riêng đối với lực lượng vũ trang 3 thứ quân (chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ), trước, trong và sau mỗi đợt hoạt động quân sự, mỗi chiến dịch, cán bộ, chiến sĩ đều được quán triệt kỷ luật chiến trường, bao gồm kỷ luật đối xử khoan hồng và nhân đạo đối với tù, hàng binh. Trong công văn số 31/HM ngày 10-12-1965 gửi Cục Chính trị Miền, Tổng cục Chính trị nhấn mạnh "Cần chấp hành chính sách tù hàng binh thật nghiêm túc... Đối với binh sĩ (ngụy), giáo dục, cải tạo và khoan hồng, sử dụng một phần... Đối với binh sĩ Mỹ phải tranh thủ giáo dục, làm cho chúng hiểu chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng và sự khoan hồng của quân và dân ta... Nói chung, chính sách đối với tù hàng binh là không được ngược đãi nhưng

quản lý phải chặt và nghiêm, chấp hành chính sách đúng đắn" (21). Tháng 4-1967, Tổng cục Chính trị chỉ thị cho Đảng uỷ, Thủ trưởng quân chính và cơ quan chính trị các cấp cần "tiến hành giáo dục công tác binh địch vận cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ, chú trọng công trường, bộ đội chủ lực, các đơn vị ở tuyến một, các đơn vị sắp đi làm nhiệm vụ chiến đấu, cán bộ quân chính các cấp, nhất là cán bộ sơ cấp, nhằm làm cho cán bộ, chiến sĩ hiểu rõ ý nghĩa quan trọng của công tác này, nắm vững chính sách đối với tù hàng binh và biết cách tổ chức tiến hành công tác cụ thể trong các tình huống" (22). Tại lớp tập huấn cán bộ trung cao cấp toàn quân tháng 3-1971, báo cáo của Tổng cục Chính trị nhận định trong những chiến dịch quân sự vừa qua, "*việc chấp hành chính sách đối với tù hàng binh nói chung là tốt, nghiêm chỉnh, khoan hồng khi chúng bị bắt và đầu hàng; đối xử đúng mức không bắn giết, không đánh đập, mắng nhiếc, cho ăn uống tử tế, băng bó những tên bị thương*" (23). Trong cuộc tiến công chiến lược 1972, Tổng cục Chính trị điện cho Trung ương Cục, Cục Chính trị Miền, cơ quan chính trị các Mặt trận: "*Nghiêm cấm mọi sự vi phạm chính sách đối với tù, hàng binh*".

Nhất quán với chủ trương, chính sách tù hàng binh mà Đảng, Nhà nước Việt Nam đề ra, ngày 25-1-1972, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam công bố chính sách 10 điểm đối với gia đình và cá nhân sĩ quan, binh lính, đội viên lực lượng phòng vệ dân sự của quân đội Sài Gòn; Đối với học sinh, sinh viên, trí thức, công chức bị Chính quyền Sài Gòn bắt lính... Tư tưởng xuyên suốt chính sách này xem các đối tượng trên đây là nạn nhân, là những

người bị cưỡng ép; Nếu họ quay về với nhân dân, với cách mạng sẽ được hưởng đầy đủ chính sách khoan hồng và hơn thế, hành động đó của họ được xem là yêu nước.

Những năm cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, căn cứ vào nguyện vọng và sự tiến bộ của số đông hàng binh, tù binh người Việt Nam, sau khi thống nhất với Bộ Tổng tham mưu và Tổng cục Hậu cần, ngày 3-8-1974, Tổng cục Chính trị ra chỉ thị nêu rõ:

"A. *Đối với hàng binh*: Trước mắt, quân đội vẫn tiếp tục quản lý, giáo dục, sử dụng và bảo đảm đời sống hàng binh như hiện tại. Riêng về quyền công dân của họ, cần thực hiện một số điểm sau đây: 1. Đối xử như những người dân bình thường (kể cả việc bầu cử và ứng cử), không gọi là "hàng binh" mà gọi theo tên đơn vị sản xuất; 2. Cho hưởng lương và các quyền lợi khác như chế độ chung của Nhà nước quy định cho những người lao động trong các ngành nghề lao động sản xuất có tổ chức. Nếu xếp vào các đơn vị quốc phòng, hưởng lương và quyền lợi như mọi công nhân viên quốc phòng khác (kể cả quyền bầu cử và ứng cử)...; 3. Hàng binh nào có thân nhân ở miền Bắc muốn về với gia đình nếu được gia đình đảm bảo và chính quyền địa phương đồng ý thì cho về hoặc muốn lập gia đình thì ta giúp đỡ; 4. Hàng binh đã tách ra, đợi trao trả như tù binh thì vẫn quản lý theo chế độ hàng binh...".

"B. *Đối với tù binh*: Trong khi chưa trao trả, tiếp tục quản lý, giáo dục, sử dụng đúng chính sách. Cần giải quyết một số điểm: 1. Những tù binh có gia đình ở miền Bắc, nếu đã cải tạo tiến bộ, được gia đình bảo đảm và chính quyền địa phương đồng ý thì phóng thích cho về với gia đình và hưởng quyền công dân; 2.

Số tù binh là con em cán bộ ta ở miền Nam nếu đã cải tạo tiến bộ, muốn ở lại với ta nhưng không có gia đình ở miền Bắc thì phóng thích, cho hưởng các quyền lợi như điểm 1, 2 mục A nói trên và chuyển họ về sản xuất, sinh hoạt với tập thể sản xuất của những hàng binh đã được hưởng quyền công dân; 3. Những "Lao công đào binh" nếu muốn ở lại với ta thì giải quyết như đối với hàng binh nói ở mục A" (24).

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã ra Tuyên bố 7 điểm về chính sách khoan hồng đối với sĩ quan, binh lính, cảnh sát, nhân viên nguy quyền. Trong các chỉ thị, điện văn gửi vào chiến trường, Tổng cục Chính trị nhắc nhở các đơn vị, các quân chủng, binh chủng "cần thực hiện tốt các chính sách của Mặt trận đối với các tầng lớp nhân dân, chính sách chiến lợi phẩm, chính sách tù hàng binh, chính sách khen thưởng kỷ luật và giữ gìn quan hệ tốt với nhân dân" (25).

Nhìn chung, suốt 30 năm chiến tranh, Đảng, Nhà nước, Quân đội nhân dân Việt Nam luôn nhất quán trong việc thi hành chính sách nhân đạo, khoan hồng đối với tù hàng binh đối phương và làm hết sức mình để đảm bảo tính mạng, tài sản và các điều kiện sinh hoạt, học tập, lao động, rèn luyện cho tù hàng binh. Trong kháng chiến chống Pháp, số lượng tù, hàng binh bị quân dân Việt Nam bắt ngày càng tăng, bao gồm quốc tịch 30 nước. Họ được đối xử nhân đạo: Được cứu chữa kịp thời ngay trên trận địa, được đảm bảo tính mạng, được đưa về các vị trí tập trung an toàn. Trại tù hàng binh không phải là khu vực khép kín bởi hàng rào, hào sâu hay tường cao cách biệt với thế giới bên ngoài mà thực sự đây là nơi chỉ có một

số bộ đội Việt Nam canh gác, bảo vệ; Thậm chí một số nơi, tù hàng binh còn được gửi vào trong dân, ở xen lẫn với dân địa phương. Việc cung cấp lương thực, thực phẩm, quân trang, quân dụng cho tù, hàng binh được chú trọng, thậm chí khá ưu đãi so với bộ đội Việt Nam (26). Cũng cần thấy thêm rằng, do tuân thủ một cách máy móc quy định của cấp trên nên có trường hợp chiến sĩ ta quá ưu đãi đối với tù, hàng binh như nhường chỗ nằm, nhường cả suất ăn của mình cho tù, hàng binh. Chính vì thế, trong các chỉ thị, mệnh lệnh cho bộ đội, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam đã không ít lần lưu ý các đơn vị rằng, phải thực hiện đúng chính sách nhân đạo đối với tù hàng binh nhưng "chúng ta không dùng chữ *ưu đãi* mà phải dùng chữ *khoan đãi*" (27). Trong nhiều trường hợp, các trại tù binh được hưởng chế độ "tự quản" - nghĩa là họ tự bầu ra đại biểu để duy trì mọi sinh hoạt, rèn luyện, học tập, lao động của trại. Ở chiến dịch Điện Biên Phủ, khi chiến sự diễn ra rất căng thẳng, ta vẫn lệnh cho bộ đội ngừng bắn để máy bay Pháp đến lấy thương, bệnh binh của họ... Kết thúc kháng chiến chống Pháp, thực hiện điều khoản 21 Hiệp định Giơnevơ, ta đã trao trả cho phía Pháp 13.414 tù binh, bao gồm 9.247 tù binh Âu Phi (28).

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), quân và dân ta trên cả hai miền Nam, Bắc thực hiện nghiêm chính sách đối với tù, hàng binh. Từ năm 1961, trên cơ sở *Cương lĩnh* của Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam, ta công bố và thực hiện chính sách đối với tù, hàng binh, đối với các nhóm và các đơn vị Chính quyền Ngô Đình Diệm ly khai về với cách mạng, mà nội dung cơ bản là: Hoan nghênh, khen thưởng, giúp đỡ, bố trí việc làm, nơi ở cho họ hoặc cho họ giữ nguyên biên chế, giữ nguyên đơn vị để

thu nhận họ vào lực lượng vũ trang cách mạng. Những đơn vị nào hoặc những cá nhân nào trong số hàng binh, trong số các nhóm ly khai, nếu lập được thành tích, được khen thưởng. Ví dụ, tháng 10-1964, hai trung đội dân vệ ở Tam Quan (huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định) làm binh biến đã được ta đặt tên là trung đội "Đội Cung" và trung đội "Đội Cấn" và 2 trung đội này được bổ sung vào Đại đội 2 bộ đội địa phương huyện Hoài Nhơn. Đại đội này về sau được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Quân giải phóng miền Nam...

Trong những năm từ 1965 trở đi, trên chiến trường miền Nam Việt Nam, quân đội Mỹ và quân đội một số nước đồng minh của Mỹ trực tiếp tham chiến. Ở miền Bắc, không quân, hải quân Mỹ gây cuộc chiến tranh phá hoại. Chiến sự gia tăng cả về quy mô và cường độ. Số tù, hàng binh là quân Sài Gòn, quân Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ tăng lên. Nhất quán thực hiện chính sách tù, hàng binh, bộ đội ta nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật chiến trường, bao gồm các điều về đối xử với tù, hàng binh. Trong các trận giao tranh, các chiến dịch quân sự, trên chiến trường miền Nam, bộ đội ta đã nhiều lần:

- Băng bó, cứu chữa thương binh địch
- Phóng thích tù binh là quân nhân quân đội Sài Gòn ngay tại chiến trường.
- Cho máy bay Mỹ đáp xuống lấy thương binh, lấy xác quân nhân của họ; Có nhiều trường hợp, nhân dân còn khiêng xác lính Mỹ bị chết vào tận căn cứ trao cho phía Mỹ.
- Các ngày lễ trong năm (như ngày Quốc khánh Hoa Kỳ, Nô-en, Tết Nguyên đán), ta chủ động đề nghị hai bên ngừng bắn để binh lính Mỹ và đồng minh đi lễ tại nhà thờ hoặc vào thành phố...

Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã nhiều lần tổ chức phóng thích tù binh Mỹ (lần đầu, ta trao trả thông qua trung gian là Đại sứ quán Ôt-xtrây-li-a tại Phnôm-Pênh, những lần sau, ta trao trả trực tiếp cho Bộ chỉ huy quân sự Mỹ tại miền Nam (MACV), ngay tại những địa điểm trong vùng căn cứ kháng chiến và buộc phía Mỹ phải chấp nhận một số điều kiện cũng như phải ký vào biên bản tiếp nhận.

Ở miền Bắc, hàng trăm tù binh Mỹ được đối xử nhân đạo. Khi bị bắt, có tới 46% trong số đó bị thương, nhiều người bị thương nặng. Phía Việt Nam đã tận tình cứu chữa - kể cả việc dùng những liều thuốc đắt tiền, quý hiếm. Trong điều kiện của miền Bắc Việt Nam lúc bấy giờ rất khó khăn, bộ đội và nhân dân bị thương nhiều do bom đạn Mỹ đêm ngày dội xuống, phía Việt Nam vẫn đảm bảo chế độ ăn, mặc, luyện tập, nghỉ ngơi, giải trí và những nhu cầu thiết yếu khác cho tù binh Mỹ. Về ăn, tù binh được ăn cao hơn mức ăn của bộ đội Việt Nam. Những tù binh bị ốm, bị thương, sức khoẻ kém, được ăn chế độ cao hơn so với đồng đội họ. Các dịp lễ, tết của người Việt Nam và Nô-en, ngày Quốc khánh Mỹ, họ được ăn những món ăn dân tộc mà họ ưa thích. Về mặc, họ được đảm bảo cấp phát đủ chăn, màn, quần áo và các đồ dùng cá nhân khác. Về đời sống tinh thần, mỗi trại đều có một phòng để các trại viên lập bàn thờ Chúa. Dịp lễ Nô-en hàng năm, họ được tạo điều kiện để dựng tượng Chúa, rước thánh giá, mời linh mục đến trại làm lễ. Những tù binh rèn luyện tốt còn được đến Nhà thờ lớn Hà Nội dự lễ. Ngoài ra, họ được cung cấp sách, báo; Được xem phim, thăm các viện bảo tàng, các di tích lịch sử, các khu vực bị bom Mỹ tàn phá. Ở mỗi trại,

có sân bãi phục vụ cho họ rèn luyện sức khoẻ, chơi các môn thể thao. Họ còn được viết thư gửi về gia đình hoặc nhắn tin trên đài phát thanh cũng như được nhận quà từ Mỹ gửi sang. Các nhà báo nước ngoài, thành viên các tổ chức hoà bình chống chiến tranh của Mỹ được vào trại tiếp xúc với tù binh để trực tiếp nhìn thấy sự đối xử khoan hồng, nhân đạo của Việt Nam. Sau ngày Hiệp định Pa-ri ký kết, phía Việt Nam đã trao trả hết số tù binh bị bắt, bị giam giữ ở cả hai miền Nam, Bắc Việt Nam.

Với binh lính quân đội Sài Gòn, trước sau, Đảng, Nhà nước và Quân đội nhân dân Việt Nam đều chú trọng công tác vận động, giác ngộ họ ngã sang hàng ngũ cách mạng; Xem đây thuộc phạm vi công tác "dân vận", nghĩa là vận động quần chúng lầm đường. Trong chiến đấu, kỷ luật chiến trường được cán bộ, chiến sĩ nghiêm chỉnh chấp hành. Ở nhiều chiến dịch - như chiến dịch Đường 9 - Nam Lào năm 1971 chẳng hạn, bộ đội Việt Nam dựng biển báo với dòng chữ: "Anh em tàn binh đi đường này ra với Quân giải phóng sẽ được đối xử tử tế". Trong chiến dịch Xuân-Hè 1972, tại điểm cao 241, ta vây chặt và buộc Trung đoàn 56 thuộc Sư đoàn 2 Quân đội Sài Gòn phải đồng ý ra hàng tập thể, tránh được sự đổ máu cho cả hai bên. Ta xem đây là vụ binh biến tập thể và quyết định giữ nguyên cấp bậc cho sĩ quan và 300 binh sĩ của Trung đoàn này; Mặt trận Dân tộc giải phóng và chính quyền tỉnh Quảng Trị đã tổ chức lễ đón tiếp và công nhận quân hàm trung tá Quân giải phóng cho viên Trung đoàn trưởng Phạm Văn Đính, Trung đoàn phó Vĩnh Phong và quân hàm thiếu tá cho một số sĩ quan cấp dưới. Bên cạnh việc thực hiện nghiêm chính sách tù, hàng binh, ta còn làm tốt công tác quản lý, giáo dục, nuôi dưỡng, bảo vệ lực lượng này.

Các trại tù, hàng binh ở miền Nam được đặt ở những địa điểm an toàn, tránh bom đạn đánh phá của địch. Nhiều địa phương, do khó khăn về lương thực, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân phải bớt cả khẩu phần ăn, giành nuôi dưỡng tù, hàng binh. Trong những năm từ 1969 trở đi, số tù, hàng binh tăng lên. Tổng cục Chính trị quyết định lập thêm các trại ở Nam Quân khu IV để tiếp nhận tù, hàng binh từ đường 9 - Nam Lào, Quảng Trị và một số tỉnh Khu V đưa ra. Qua phân loại, nhận thấy một bộ phận lớn trong số họ bị Chính quyền Thiệu cường bức vào lính, ta chủ trương đối xử với họ như những nạn nhân chiến tranh. Vì vậy, trong công tác cứu chữa, nuôi dưỡng, ta đã cố gắng đảm bảo điều kiện ăn ở, khám chữa bệnh và sinh hoạt học tập, rèn luyện, vui chơi giải trí cho từng hàng binh. Nhìn chung, sau một thời gian học tập, cải tạo, tù, hàng binh Quân đội Sài Gòn, tùy theo điều kiện của tình hình thực tế và tính đến nguyện vọng của họ, hoặc được phóng thích để trở về quê quán, hoặc được bố trí làm ăn sinh sống tại vùng giải phóng. Một bộ phận trong số họ được tin cậy bố trí tham gia các ban ngành, đoàn thể chính quyền và các đơn vị vũ trang cách mạng.

Một biểu hiện rõ ràng nhất là trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975, Đảng, Nhà nước và Quân đội nhân dân Việt Nam đã thực hiện nghiêm chính sách đối với tù, hàng binh cũng như đối với nhân viên Chính quyền Sài Gòn và thân nhân của họ. Đã không hề xảy ra cuộc "tắm máu" hay những hành động trả thù nào trong mùa Xuân 1975. Trên thực tế, giải phóng đến đâu, các địa phương đều thành lập ngay một bộ phận mà thành phần gồm cán bộ quân đội, công an giúp cho Ủy ban quân quản.

Chỉ thị số 239/CT-TW ngày 29-6-1976 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam nhắc nhở các cấp: Cần làm tốt công tác học tập, giáo dục cho binh lính, sĩ quan, nhân viên chính quyền chế độ cũ thấu suốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Chính quyền cách mạng, "ngăn ngừa không cho kẻ địch phá hoại ta và tạo điều kiện cho số đông trở thành người lương thiện, làm lại cuộc đời của họ trong chế độ mới" (29). Vì vậy, sau khi công tác đăng ký trình diện, về cơ bản đã hoàn thành, tàn binh được dự các lớp học tập trung mà phần lớn do Chính quyền cách mạng ở các địa phương mở ngay tại chỗ. Sau một thời gian, họ trở về với cuộc sống thường nhật, hoà nhập dần vào đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội. Họ trở thành công dân của nước Việt Nam đã sạch bóng ngoại xâm. Và có tới 95% số này đã tự tay cầm lá phiếu bầu cử Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, ngày 25-4-1976.

Tóm lại, trong suốt 30 năm chiến tranh, đối với tù hàng binh, chính sách bất di bất dịch, được Đảng, Nhà nước Việt Nam đề ra và được quân dân Việt Nam thực hiện nghiêm là khoan hồng, nhân đạo. Đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể, khi đất nước Việt Nam còn nghèo khó, bị chiến tranh tàn phá nặng nề; Khi đối phương đã gieo rắc biết bao tội ác cho người dân vô tội, ở cả hai miền Nam, Bắc, càng thấy rõ tình nhân ái, sự bao dung, độ lượng của Nhà nước và nhân dân Việt Nam đối với tù, hàng binh ở bên kia chiến tuyến. Chính sách đó xuất phát và dựa trên nền tảng là đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam, là tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, là quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam phân biệt rạch ròi giữa thế lực chủ mưu xâm lược và người bị lường gạt, xô đẩy vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

CHÚ THÍCH

- (1). Dẫn theo: Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng miền Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2000.
- (2). Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 153.
- (3). *Văn kiện quân sự của Đảng*, tập 2, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, tr. 96.
- (4). *Văn kiện quân sự của Đảng*, tập 2, sdd, tr. 181.
- (5). Quân đội nhân dân Việt Nam: *Tổng cục Chính trị - biên niên sự kiện và tư liệu*, tập 1, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997, tr. 48.
- (6), (7), (8), (9). Quân đội nhân dân Việt Nam: *Tổng cục Chính trị - biên niên sự kiện và tư liệu*. Sdd, tr. 93-94; 97, 128, 128.
- (10). *Công tác địch vận* (tài liệu công tác chính trị của Quân đội nhân dân Việt Nam). Tổng cục Chính trị xuất bản, 1959. tr.70, 71.
- (11). *Công tác địch vận* (tài liệu công tác chính trị của Quân đội nhân dân Việt Nam). Sdd, tr. 108, 109.
- (12). Trích trong *Công tác địch vận*, sdd, tr.79.
- (13). Trong cuốn: *Công tác chính trị chiến dịch*, tập 2, Tổng cục Chính trị xuất bản. 1959, tr.16.
- (14), (15). Trong cuốn: *Công tác chính trị chiến dịch*, tập 2, sdd, tr. 62, 70.
- (16), (17). Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Biên niên lịch sử Bộ Quốc phòng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 162, 163.
- (18). Điện Ban Thống nhất Trung ương gửi Ban Binh vận Trung ương Cục. Lưu tại Cục Dân vận và Tuyên truyền đặc biệt.
- (19). *Biên bản Hội nghị cán bộ binh vận toàn miền Nam* (9-1962), lưu tại Cục Dân vận và Tuyên truyền đặc biệt.
- (20). Chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, ngày 20-11-1969 *Về chính sách đối với tù hàng binh*, lưu tại Cục Dân vận và Tuyên truyền đặc biệt.
- (21), (22). Tổng cục Chính trị - Cục Tuyên truyền đặc biệt: *Công tác dân vận và tuyên truyền đặc biệt trong QĐNDVN*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội. 2003, tr. 347, 350, 351.
- (23). Quân đội nhân dân Việt Nam: Tổng cục Chính trị - *quá trình hình thành, tổ chức và chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội*, tập 2, quyển 2, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội. 1998, tr 435.
- (24). Chỉ thị số 12/CT-H của Tổng cục Chính trị QĐNDVN, sdd, tr. 618, 619.
- (25). Điện của Tổng cục Chính trị gửi các đơn vị chiến trường, các quân binh chủng về công tác chính trị, ngày 2-4-1975. Dẫn trong *Công tác dân vận và tuyên truyền đặc biệt...*, sdd, tr. 389.
- (26). Trong bài viết: *Những ngày sống bên hàng binh châu Âu*, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 207 (III.2004), tác giả Lê Văn cho biết, chế độ sinh hoạt của hàng binh được ưu đãi theo chính sách. Trong khi bộ đội Việt Nam chỉ được cấp 7 lạng gạo với 3 đồng tiền đồ ăn một ngày thì họ được 20 đồng một ngày, hàng tháng họ còn được cấp 5 đồng tiêu vật.
- (27). *Chỉ thị bổ sung về việc tù binh của Đảng uỷ Mặt trận* trong Chiến dịch Biên Giới 1950, trích trong: *Công tác chính trị chiến dịch*, tập 2, sdd, tr. 101.
- (28). Trong số 9.247 tù binh Âu Phi, có 1 thiếu tướng, 3 đại tá, 530 sĩ quan cấp úy, 3.525 hạ sĩ quan và 5.138 binh sĩ.
- (29). Lưu tại Cục Dân vận và Tuyên truyền đặc biệt.